TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 130/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 11 tháng 03 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 831/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1979; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Số 96/10/8 Chuyên Dùng A, Tổ B, Khu phố C, phường F, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1976; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Số 96/10/8 Chuyên Dùng G, Tổ H, Khu phố I, phường J, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 3 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 03 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Văn T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01/2000 đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường F, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/6/2000).

- Về quan hệ con chung: Các đương sự có 02 con chung, họ tên là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 27/02/1997 (đã trưởng thành) và Lê Thanh D, sinh ngày 16/5/2000 (đã trưởng thành).

- Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Các đương sự xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0031948 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, X.Duyên).

THẨM PHÁN

Lê Thuần Phong